

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN TÂN PHÚ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/KDTM-ST  
Ngày: 15-04 -2022  
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Ngọc Thanh
2. Bà Trần Quang Cảnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa :** Bà Đặng Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 04 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 114/2019/TLST-KDTM ngày 18/12/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST-KDTM ngày 17 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2022/QĐST-KDTM ngày 15 tháng 03 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Công ty A.

Địa chỉ: 81 Đường C, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Trần Thanh T – sinh năm 1974

*Bị đơn:* Công ty T

Địa chỉ: số 109-111 Đường D, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật:* Bà Đinh Thị Thùy Tr – sinh năm 1973

Địa chỉ: Số 124 Đường L, Phường Tn, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh

*Người đại diện theo ủy quyền :* Ông Nguyễn Thanh T1 – sinh năm 1975

Văn bản ủy quyền : Số 05/UQ-2020 ngày 21/12/2020.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 11/12/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Công ty A do ông T là người đại diện theo pháp luật trình bày:*

Công ty A và Công ty T có quan hệ mua bán hàng hóa với nhau từ năm 2016. Hai bên thỏa thuận mua bán hàng hóa là thép. Thực hiện giao dịch có ký hợp đồng nguyên tắc số 74/TC-AN/16 (NT) ngày 01/4/2016 giữa Công ty T với Công ty A. Trong quá trình thực hiện giao dịch mua bán với nhau, thông qua hình thức gọi điện thoại đặt hàng. Khi Công ty A đặt hàng bằng điện thoại, Công ty T giao hàng hóa là thép. Mỗi đợt giao hàng đều có phiếu xuất kho, có phiếu giao hàng, phiếu cân xe.

Trong năm 2016 hai bên tính toán, đối chiếu và chốt công nợ cũng như thanh toán và giao hàng là trùng khớp số liệu và đúng với các chứng từ. Công ty A giao trước cho Công ty T số tiền 12.280.567.469 đồng. Chứng từ Công ty T cung cấp cho Tòa án là phù hợp với số tiền Công ty A đã giao. Hình thức thanh toán chuyển khoản qua ngân hàng vào tài khoản của Công ty T.

Năm 2017 Công ty A và Công ty T đối chiếu chứng từ đều trùng khớp. Công ty A còn nợ và phải trả cho Công ty T số tiền là 24.710.720.568 đồng.

Năm 2018, từ đầu tháng 01 đến ngày 31/01/2018 Công ty A chuyển tiền mua thép và Công ty T đã giao thép. Sau khi đối chiếu chứng từ Công ty A còn nợ lại Công ty T số tiền 6.805.160.768 đồng. Hai bên đã đối chiếu công nợ.

Đầu tháng 02/2018 đến ngày 28/02/2018 Công ty A đã chuyển tiền và Công ty T đã giao hàng. Công ty A còn nợ lại Công ty T số tiền 6.003.023.685 đồng. Số tiền này hai bên đã đối chiếu công nợ khớp.

Đầu tháng 3/2018 đến ngày 31/3/2018 Công ty A đã chuyển tiền cho Công ty T, Công ty T còn phải giao hàng cho Công ty A tương ứng với số tiền đã chuyển là 148.836.045 đồng. Nhưng công nợ của Công ty T không khớp với số tiền mà Công ty A đã thanh toán. Tại sổ theo dõi chi tiết của Công ty T nộp cho Tòa án, thể hiện Công ty T chỉ còn nợ lại Công ty A số tiền là 732.046 đồng. Do đó Công ty T phải giao hàng hóa là thép cho Công ty A tương ứng với số tiền là 148.836.046 đồng nhưng Công ty T không tiếp tục thực hiện.

Công ty T tự xuất hóa đơn tài chính số 0002560 ngày 24/03/2018, hàng hóa là thép cuộn mạ kẽm, tương ứng với số tiền là 148.104.000 đồng. Đối chiếu với sổ theo dõi của Công ty T theo số tiền mà Công ty T tự xuất hóa đơn tài chính là 148.104.000 đồng + 732.046 đồng (số tiền này Công ty T nợ Công ty A) = 148.836.046 đồng

Lý do của sự chênh lệch này là do Công ty T không giao hàng hoặc trả lại tiền cho Công ty A mà cố tình xuất hóa đơn không tương đương với giá trị chênh lệch để báo cáo thuế và tự xác nhận là đã giao hàng cho Công ty A.

Công ty A không nhận được bất cứ hàng hóa là thép cuộn mạ kẽm nào từ Công ty T đã giao tương ứng với số tiền ghi theo hóa đơn trên. Công ty T cho rằng có giao hóa đơn tài chính trên cho Công ty A thì phải có biên bản giao nhận. Công ty T giao hàng hóa là thép cuộn mạ kẽm cho Công ty A theo nội dung ghi trong hóa đơn đã xuất phải có phiếu cân xe, phiếu xuất kho, phiếu giao hàng, phiếu nhập hàng.

Công ty T cho rằng đã xuất hàng theo đúng hóa đơn mình đã xuất thì Công ty A đề nghị Công ty T cung cấp biên bản giao nhận hàng hóa có chữ ký của hai công ty, phiếu cân xe khi giao hàng, cung cấp hóa đơn tài chính số 0002560 mà Công ty T đã khai báo thuế. Hiện Công ty A cũng không biết và không nhận được hóa đơn tài chính này.

Công ty T không cung cấp được các chứng từ nêu trên, điều này chứng minh Công ty T đã xuất không hóa đơn.

Nay Công ty A khởi kiện yêu cầu Công ty T phải trả lại số tiền 148.836.046 đồng, thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Công ty T (Gọi tắt Công ty T) do ông T1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Công ty T có giao dịch mua bán thép với Công ty A. Công ty T đã giao đầy đủ hàng cho Công ty A và hiện không còn nợ gì đối với Công ty A.

Tại phiên tòa hôm nay:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn Công ty T (Người đại diện theo pháp luật là bà T và người đại diện theo ủy quyền là ông T1) nhưng Công ty T vắng mặt. Do đó Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm:*

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Do Công ty T có trụ sở đăng ký kinh doanh tọa lạc tại quận Tân Phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

Thời hạn tố tụng: Thẩm phán vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, kiến nghị Hội đồng xét xử cần rút kinh nghiệm.

Về người tham gia tố tụng: Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Về thu thập chứng cứ: Thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Công ty A khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty T thanh toán tiền mua hàng hóa còn thiếu là 148.836.046 đồng, thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn Công ty T không đồng ý và cho rằng Công ty T đã giao đủ hàng hóa và không có công nợ với Công ty A. Xét thấy Công ty T có ý kiến cho rằng đã giao đủ hàng cho Công ty A và đã xuất hóa đơn tài chính. Tuy nhiên, Công ty T không xuất trình được chứng cứ đã giao hàng tương ứng với số tiền mình đã xuất hóa đơn tài chính, chứng cứ đã giao hóa đơn tài chính cho Công ty A. Căn cứ Điều 34, Điều 42, Điều 50 Luật thương mại đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty A về việc buộc Công ty T phải trả ngay số tiền còn thiếu.

Tại phiên tòa sơ, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét, đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa. Do Công ty T có trụ sở đăng ký kinh doanh tại quận Tân Phú nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết vụ án theo qui định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[2] Thủ tục tố tụng:

Xét, bị đơn Công ty T (Do bà T người đại diện theo pháp luật và ông T1 đại diện theo ủy quyền) vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét, nguyên đơn Công ty A yêu cầu Công ty T thanh toán tiền mua hàng hóa còn nợ là 148.836.046 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Công ty T không đồng ý thanh toán với yêu cầu của Công ty A và cho rằng hai bên không có công nợ, cũng như việc giao hàng đã hoàn tất.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ Hợp đồng nguyên tắc số 74/TC-AN/16 (NT) ký ngày 01/4/2016 giữa Công ty T và Công ty A, hai bên thỏa thuận mua bán thép các loại. Thực hiện giao dịch mua bán hàng hóa theo từng đơn đặt hàng phát sinh theo từng thời điểm cụ thể. Công ty T giao hàng tại kho của bên Công ty A.

Căn cứ vào lời khai, các chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa và sự thừa nhận của các bên đương sự thể hiện:

Đầu tháng 3/2018 đến ngày 31/3/2018 Công ty A đã chuyển tiền mua thép cho Công ty T. Đối chiếu chứng từ của hai bên cung cấp, Công ty A chuyển tiền mua hàng vào tài khoản Công ty T đều trùng khớp. Công ty T cung cấp chứng từ là văn bản giải trình các lần giao dịch giữa hai bên (số tiền đã nhận, số hàng hóa là thép đã giao) và có đóng dấu, ký tên xác nhận của người đại diện theo pháp luật. Tuy nhiên Công ty T giao thép chưa đủ số lượng so với số tiền mà Công ty A đã chuyển. Hiện Công ty T giao chưa đủ số lượng thép nên phải trả lại số tiền đã nhận là 148.836.046 đồng cho Công ty A. Công ty T không đồng ý về việc chưa giao đủ hàng hóa là thép cho Công ty A. Công ty T không xuất trình được chứng cứ chứng minh đã giao hàng tại kho của Công ty A theo như thỏa thuận trong hợp đồng nguyên tắc về địa điểm giao hàng. Công ty T đưa ra lý do đã xuất kho hàng hóa là thép giao cho Công ty A đồng thời xuất hóa đơn tài chính cho Công ty A và không thừa nhận còn nợ Công ty A. Tuy nhiên, Công ty T không xuất trình được chứng cứ về thời điểm giao hàng hóa và giao hóa đơn tài chính cho Công ty A. Căn cứ Điều 34, Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại yêu cầu của Công ty A là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về thời hạn thanh toán:

Xét, nguyên đơn Công ty A yêu cầu Công ty T thanh toán một lần số tiền 148.836.046 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, Hợp đồng nguyên tắc về mua bán hàng hóa, các lệnh chuyển tiền và cân trừ công nợ giữa hai bên đã hoàn tất từ tháng 3/2018. Công ty T phải trả lại số tiền trên do chưa thực hiện giao hàng cho Công ty A. Thực tế, Công ty T vẫn chưa thanh toán cho Công ty A, là gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty A. Căn cứ Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại, yêu cầu của Công ty A là có cơ sở để chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của Công ty A được chấp nhận nên Công ty T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật trên số tiền phải thanh toán là:  $148.836.046 \text{ đồng} \times 5\% = 7.441.800 \text{ đồng}$

Hoàn lại số tiền tạm nộp án phí cho Công ty A.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ;
- Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 34, Điều 42, Điều 50, Điều 55 Luật thương mại;
- Điểm a Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty A.
2. Buộc Công ty T phải thanh toán cho Công ty A số tiền là 148.836.046 đồng ( Một trăm bốn mươi tám triệu tám trăm ba mươi sáu ngàn không trăm bốn mươi sáu đồng) .

Thời hạn thi hành: Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty A có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty T chưa thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: 7.441.800 đồng (Bảy triệu bốn trăm bốn mươi một ngàn tám trăm đồng) Công ty T chịu.

Hoàn lại cho Công ty A số tiền 3.723.196 đồng theo biên lai thu số 0020301 ngày 18/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi

tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận :*

- TAND TP.HCM ;
- VKSND Q.Tân Phú ;
- Chi cục THA DS Q.Tân phú ;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hương**